Số: 2887/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-07-06T12:31:37+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
hoạt động của Người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do Uỷ ban nhân dân tỉnh Gia Lai làm cơ quan đại diện chủ sở hữu

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về thời hạn, điều kiện cử làm đại diện phần vốn nhà nước, chế độ hoạt động, quyền, trách nhiệm và đánh giá, xếp loại chất lượng của Người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do Uỷ ban nhân dân tỉnh Gia Lai làm cơ quan đại diện chủ sở hữu (sau đây gọi tắt là Người đại diện); mối quan hệ giữa cơ quan đại diện chủ sở hữu và Người đại diện trong việc thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu (dưới vai trò là cổ đông, thành viên góp vốn) tại doanh nghiệp; mối quan hệ giữa Người đại diện với các tổ chức, cá nhân liên quan trong thực hiện quyền và trách nhiệm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan đại diện chủ sở hữu, Người đại diện, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, thực hiện quyền, trách nhiệm của Người đại diện tại doanh nghiệp có phần vốn nhà nước do Uỷ ban nhân dân tỉnh Gia Lai làm cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu là Uỷ ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Người đại diện là cá nhân được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, bao gồm:

a) Người đại diện làm việc chuyên trách tại doanh nghiệp.

b) Người đại diện phần vốn nhà nước không chuyên trách.

Chương II
ĐIỀU KIỆN, CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG, QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỚI CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 4. Thời hạn làm đại diện phần vốn nhà nước

1. Thời hạn cử Người đại diện tối đa là 05 năm nhưng không quá nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp Người đại diện được cơ quan đại diện chủ sở hữu đề cử để bầu, bổ nhiệm chức danh quản lý giữa nhiệm kỳ của chức danh đó thì thời hạn làm đại diện phần vốn nhà nước là thời gian còn lại của nhiệm kỳ đó theo quy định của Điều lệ doanh nghiệp.

2. Trường hợp Người đại diện được cử đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác thì thời hạn làm đại diện phần vốn nhà nước được tính từ ngày quyết định cử đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp mới có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp thay đổi chức danh quản lý do thay đổi tên gọi doanh nghiệp thì thời hạn làm đại diện phần vốn nhà nước được tính từ ngày quyết định cử đại diện phần vốn nhà nước theo chức danh cũ có hiệu lực.

Điều 5. Điều kiện cử làm Người đại diện

1. Bảo đảm tiêu chuẩn chung theo quy định của Đảng, pháp luật và tiêu chuẩn cụ thể theo quy định của Điều lệ doanh nghiệp và quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Có hồ sơ, lý lịch cá nhân được xác minh, có bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

3. Phải đủ tuổi (tính theo tháng) để công tác hết nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị.

4. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

5. Không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 10 Nghị định số 181/2026/NĐ-CP.

6. Điều kiện, trình tự, thủ tục cử lại Người đại diện thực hiện theo Điều 26, Điều 27 Nghị định số 181/2026/NĐ-CP.

Điều 6. Chế độ hoạt động của Người đại diện

1. Người đại diện làm việc theo chế độ:

a) Chuyên trách tại 01 doanh nghiệp. Người đại diện chuyên trách có thể tham gia ban quản lý, điều hành tại doanh nghiệp (Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc/Ban Giám đốc).

b) Không chuyên trách tại không quá 03 doanh nghiệp. Số lượng Người đại diện không chuyên trách tại 01 doanh nghiệp không quá 30% số lượng thành viên Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị. Người đại diện không chuyên trách có thể tham gia Hội đồng quản trị tại 01 hoặc một số doanh nghiệp khác cùng cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định của Điều lệ doanh nghiệp, nhưng không được quá 03 doanh nghiệp.

c) Người đại diện không được kiêm nhiệm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Việc xác định thời hạn thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

3. Người đại diện đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền thì không được giao, ủy quyền lại cho người khác đại diện thay mình biểu quyết, quyết định các nội dung đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền, cho ý kiến.

Điều 7. Các nội dung Người đại diện báo cáo, xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu

Trước khi tham gia biểu quyết, quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc cơ quan quản lý khác của doanh nghiệp, Người đại diện phải báo cáo, xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với các nội dung sau:

1. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ:

- Chiến lược phát triển doanh nghiệp; kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và hằng năm; mục tiêu, nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ doanh nghiệp.

- Tăng, giảm vốn điều lệ; huy động vốn; phát hành cổ phần, trái phiếu và các hình thức huy động vốn khác. Chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của doanh nghiệp tại công ty con; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết.

- Dự án đầu tư; mua, bán tài sản; giao dịch vay, cho vay, bảo lãnh, thế chấp,

cầm cố tài sản và các giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của chủ sở hữu theo Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.

- Báo cáo tài chính năm; phương án phân phối lợi nhuận sau thuế; trích lập, sử dụng các quỹ; mức chia cổ tức, lợi nhuận được chia.

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ nhiệm, ký kết hoặc chấm dứt hợp đồng đối với người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của cơ quan đại diện chủ sở hữu; chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy định của Nghị định số 248/2025/NĐ-CP.

- Các nội dung khác theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Đối với doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp mà Nhà nước nắm giữ từ trên 35% đến 50% vốn điều lệ:

- Chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển; sửa đổi, bổ sung Điều lệ doanh nghiệp; tăng, giảm vốn điều lệ; phát hành cổ phần; thay đổi cơ cấu vốn làm ảnh hưởng đến tỷ lệ sở hữu của Nhà nước.

- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi sở hữu, giải thể hoặc phá sản doanh nghiệp; góp vốn, đầu tư, chuyển nhượng vốn, mua bán tài sản có giá trị lớn theo quy định của Điều lệ doanh nghiệp.

- Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập và sử dụng các quỹ.

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

- Các nội dung có khả năng ảnh hưởng đến việc bảo toàn, phát triển phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

3. Đối với doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp mà Nhà nước nắm giữ từ 35% vốn điều lệ trở xuống:

- Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính.

- Tăng, giảm vốn điều lệ; phát hành cổ phần, chuyển nhượng vốn làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhà nước; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản doanh nghiệp; chuyển nhượng dự án, tài sản hoặc khoản đầu tư có ảnh hưởng lớn đến giá trị phần vốn nhà nước.

- Các nội dung khác theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 8. Quyền và trách nhiệm của Người đại diện

1. Người đại diện có trách nhiệm thực hiện quyền, trách nhiệm của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ doanh nghiệp, văn bản chỉ đạo của cơ quan đại diện chủ sở hữu và Quy chế này một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Nhà nước, doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2. Người đại diện chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu về việc thực hiện quyền, trách nhiệm của Người đại diện theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

3. Doanh nghiệp có phần vốn góp của Nhà nước có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, về việc đầu tư, tình hình tài chính và những nội dung khác (nếu có) cho Người đại diện khi được yêu cầu theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ của doanh nghiệp.

4. Người đại diện có trách nhiệm kịp thời báo cáo xin ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc cơ quan quản lý khác của doanh nghiệp đối với các nội dung quy định tại Điều 7 Quy chế này.

5. Người đại diện tham gia xây dựng, cho ý kiến, tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm, kế hoạch đầu tư phát triển, phương án huy động vốn, phương án phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp và các nội dung khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

6. Người đại diện có trách nhiệm cảnh báo, kịp thời báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu, đề xuất biện pháp can thiệp phù hợp khi doanh nghiệp có vốn nhà nước có nguy cơ, rủi ro dẫn đến thất thoát, hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, những vấn đề ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp, những trường hợp sai phạm khác và khi doanh nghiệp bị đề nghị giải thể, có nguy cơ phá sản.

7. Người đại diện không được tiếp tục làm đại diện phần vốn nhà nước khi không còn đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của người đại diện phần vốn nhà nước hoặc thực hiện không đúng quyền, trách nhiệm được giao hoặc khi bị cơ quan đại diện chủ sở hữu đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 9. Mối quan hệ giữa các Người đại diện trường hợp doanh nghiệp

có từ 02 Người đại diện trở lên

1. Người đại diện chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả công việc được cơ quan đại diện chủ sở hữu giao, đồng thời cùng với các Người đại diện khác chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động chung.

2. Người đại diện được cơ quan đại diện chủ sở hữu giao làm Người đại diện phụ trách chung có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến tham gia, các số liệu của các Người đại diện vào các báo cáo, chương trình, kế hoạch công tác để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu, bao gồm chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động chung của các Người đại diện.

Điều 10. Chế độ báo cáo của Người đại diện

1. Người đại diện có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất và báo cáo chuyên đề theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành, các quy định của pháp luật có liên quan, Quy chế này và yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Người đại diện khi gửi báo cáo cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và các cơ quan quản lý nhà nước thì đồng thời gửi cho doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có ý kiến khác với nội dung báo cáo của Người đại diện thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Người đại diện, doanh nghiệp có văn bản gửi đến cơ quan đại diện chủ sở hữu để xem xét.

3. Người đại diện chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cơ quan đại diện chủ sở hữu về tính đầy đủ, trung thực, chính xác, kịp thời của nội dung báo cáo.

Chương III
ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG NGƯỜI ĐẠI DIỆN

Điều 11. Đánh giá, xếp loại chất lượng Người đại diện

1. Việc đánh giá Người đại diện được thực hiện trên cơ sở chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; kết quả thực hiện quyền, trách nhiệm của Người đại diện tại doanh nghiệp; việc bảo toàn và phát triển vốn nhà nước; mức độ hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao và các tiêu chí khác theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung, căn cứ, phương pháp đánh giá Người đại diện thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định số 365/2025/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

3. Quy trình, trình tự, thủ tục đánh giá và xếp loại chất lượng hằng năm đối

với Người đại diện thực hiện theo quy định của Nghị định số 181/2026/NĐ-CP và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

4. Kết quả đánh giá là căn cứ để xem xét tiếp tục cử làm Người đại diện, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm hoặc thay thế Người đại diện.

Điều 12. Căn cứ, nội dung, thời điểm, trách nhiệm, tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng

1. Trách nhiệm, căn cứ, tiêu chí, nội dung đánh giá và xếp loại chất lượng hàng năm thực hiện theo quy định tại Chương V Nghị định số 181/2026/NĐ-CP.

2. Việc đánh giá Người đại diện được thực hiện hàng năm sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Kết quả đánh giá, xếp loại được lưu vào hồ sơ theo quy định.

3. Người đại diện được đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm theo 04 mức độ: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ.

4. Đối với Người đại diện là đảng viên thì đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên trước; đánh giá, xếp loại chất lượng quản lý sau. Trường hợp không đạt kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được giao trong năm theo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng quản lý thì cấp có thẩm quyền căn cứ các tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng xem xét, quyết định lại mức đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này là căn cứ để xem xét, đánh giá việc thực hiện quyền, trách nhiệm và kết quả hoàn thành nhiệm vụ của Người đại diện theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quản lý nhà nước được giao chủ động triển khai thực hiện các nội dung thuộc trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu tại Quy chế này; kịp thời tham mưu, đề xuất các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai theo quy định.

3. Những nội dung không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo

quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 248/2025/NĐ-CP, Nghị định số 365/2025/NĐ-CP, Nghị định số 366/2025/NĐ-CP, Nghị định số 181/2026/NĐ-CP, các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

4. Trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật.

5. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát hiện những vấn đề chưa phù hợp cần sửa đổi, bổ sung, thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan gửi văn bản phản ánh, đề xuất về Uỷ ban nhân dân tỉnh Gia Lai (qua Sở Tài chính) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.